TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày: 23-5-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Hồng Thắm
Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2017/TLST- KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2017 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần T**(TP.Bank)
Trụ sở: Tòa nhà T, số 57, Lý Thường K, P. Trần Hưng Đ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Đỗ Minh Phú, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Thanh – Giám đốc ban pháp chế và xử lý nợ T theo giấy ủy quyền số 08/2016/GUQ-TPB-HĐQT ngày 18/7/2016
Ông Nguyễn Hữu T ủy quyền cho ông Huỳnh Văn Bảo T và ông Đỗ Hoài D theo giấy ủy quyền số 023/2017/ GUQ-TPB-HĐQT ngày 22/02/2017 (Có mặt).
Địa chỉ: 214A, Phan Đăng Lưu, Phường 3, Q. Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh.

-Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ T**
Có bà Nguyễn Thị Huệ T – Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật (Vắng mặt)
Trụ sở: Số 478, Quốc Lộ 91, ấp Hòa L Thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

-***Người có quyền và nghĩa vụ liên quan***: Ông Nguyễn Thái S, sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 25/33, Trần Hưng Đ, Khóm Thạnh A, phường Mỹ T, TP. Long Xuyên, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 15/6/2017, bản tự khai ngày 22/3/2019 và lời khai tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Đỗ Hoài D trình bày:

Ngày 03/1/2014, Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang(TP) đã ký Hợp đồng tín dụng số 0252B-12.13/HĐTD 3/TPB.AGG với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T), theo đó Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang đồng ý giải ngân cho Công ty T theo khế ước nhận nợ 0252B.01-03.14/KUNN3/TPB.AGG ngày 07/3/2014 với số tiền nhận nợ là 150.000.00USD (Một trăm năm mươi ngàn đô la Mỹ) cho mục đích thanh toán LC nhập khẩu máy móc thiết bị do TPBank phát hành.

Ngày 9/10/2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang đã ký hợp đồng tín dụng số 0366A-10.15/HĐTD3/TPB.AGG với Công ty T, theo đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang đồng ý giải ngân cho Công ty T theo các khế ước nhận nợ như sau:

a/Khế ước nhận nợ số: 0366A.08.07.16/KUNN3/TPB.AGG ngày 26/7/2016 với số tiền nhận nợ là 538.309.00USD (Năm trăm ba mươi tám ngàn ba trăm lẻ chín đô là Mỹ) cho mục đích bổ sung vốn thu mua mỡ cá, nguyên liệu chế biến mỡ cá

Lãi suất linh hoạt như sau: Áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 26/10/2016 là 3,4%/năm.

Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào các ngày 26 và bằng lãi suất cơ sở +biên độ 1,1%/năm

b/ Khế ước nhận nợ số: 0366A.09.08.16/KUNN3/TPB.AGG ngày 8/8/2016 với số tiền nhận nợ là 1.453.566.00USD (Một triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi sáu đô là Mỹ) cho mục đích bổ sung vốn thu mua mỡ cá, nguyên liệu chế biến mỡ cá

Lãi suất linh hoạt như sau: Áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 8/11/2016 là 3,8%/năm.

Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào các ngày 8 và bằng lãi suất cơ sở +biên độ 1,5%/năm.

c/Khế ước nhận nợ số: 0366A.10.08.16/KUNN3/TPB.AGG ngày 10/8/2016 với số tiền nhận nợ là 371.467.00USD (Ba trăm bảy mươi mốt ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đô là Mỹ) cho mục đích bổ sung vốn thu mua mỡ cá, nguyên liệu chế biến mỡ cá.

Lãi suất linh hoạt như sau: Áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 10/11/2016 là 3,8%/năm.

Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào các ngày 10 và bằng lãi suất cơ sở +biên độ 1,5%/năm.

Ngày 26/4/2014 Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang đã ký hợp đồng thế chấp số 0002C-04.14/HDDTC3/TPB.AGG với bên thế chấp là ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T. Theo hợp đồng thế chấp này, ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T đã tự nguyện thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 160073, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH01671 do Ủy ban nhân dân Thành phố Long Xuyên cấp ngày 26.01/2011, cụ thể như sau:

Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 15, tại phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, An Giang diện tích 461m^2, mục đích sử dụng đất: đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài.

Về tài sản gắn liền với đất: nhà ở, diện tích xây dựng 210,8m^2, diện tích sàn 826,3m^2: kết cấu nhà: nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn lầu BTCT, mái ngói, cấp 2, số tầng 4, năm hoàn thành: 2010. Tọa lạc tại 25/33 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, An Giang để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Long Xuyên, số công chứng 580, quyển sổ: 12/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2016. Đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Ngày 6/4/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang đã ký hợp đồng thế chấp số 0366B-04/HD9TC3/TPB.AGG với bên thế chấp là công ty T. Theo hợp đồng thế chấp Công ty T đã tự nguyện thế chấp tài sản là hàng tồn kho mỡ cá/dầu cá tại bồn chứa thuê trực tiếp của chi nhánh Công ty TNHHMTV Dầu Khí Tp. Hồ Chí Minh tại KCN Trà Nóc 2- Tp. Cần Thơ (xác định cụ thể là bồn chứa trên hợp đồng thuê)

Ngày 8/8/2016 Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang đã ký hợp đồng thế chấp số 13-08.16/HĐBĐ/AGG với bên thế chấp là công ty T. Theo hợp đồng thế chấp Công ty T đã tự nguyện thế chấp tài sản là toàn bộ quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng, dự án, các khoản phải thu, các quyền lợi khác (nếu có). Giấy tờ chứng minh quyền đòi nợ là:

-LC xuất khẩu số ILC160024 phát hành ngày 04/8/2016 của nhà nhập khẩu NESTE SINGAPOREPTE LTD.

Ngày 03/1/2014 Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang đã ký hợp đồng thế chấp số 0252-12.13/HD9TCC3/TPB.AGG với bên thế chấp là Công ty T và HĐTC sửa đổi bổ sung số 0252-12.13/HĐTCC3/TPB.AGG/SD901 ngày 17/3/2014 Công ty T đã tự nguyện thế chấp tài sản là Dây chuyền sản xuất bột cá (máy móc thiết bị) bao gồm: 01 máy nén P-XH-150PRESS số lượng 02; 01 máy nấu C-XH-100 COOKER số lượng 02; 01 Máy sấy D-XH-100DRYER số lượng 02.

Đến ngày 26/12/2016 Công ty T đã vi phạm đối với hợp đồng số 0252B-12.13/HĐTD3/TPB.AGG ký ngày 03/1/2014 là không đóng lãi và trả vốn theo thỏa thuận. Đến ngày 7/3/2019 thì Công ty T đã vi phạm đối với hợp đồng số 0366A-10.15/HĐTD3/TPB.AGG ngày 9/10/2015. Mặc dù Ngân hàng Thương mại cổ phần T đã nhắc nhở và làm việc với công ty nhiều lần.

Đến ngày 5 tháng 7 năm 2018 Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang đã thực hiện thanh lý tài sản thế chấp theo Quyết định số 42/2017 QH14 ngày 15/8/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng đối với tài sản thanh lý là thửa đất số 11, tờ bản đồ số 15 gắn liền với nhà ở, diện tích xây dựng 210,8m^2, diện tích sàn 826,3m^2: kết cấu nhà: nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn lầu BTCT, mái ngói, cấp 2, số tầng 4, năm hoàn thành: 2010. Tọa lạc tại 25/33 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, An Giang do ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T đứng tên, sau khi trừ vào số tiền vốn gốc mà Công ty T còn nợ lại thì Công ty T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Tsố tiền tính đến ngày 23/5/2019 tổng cộng vốn +lãi là 26.301.895.372 đồng.Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng Thương mại cổ phần T yêu cầu Công ty trách nhiệm thương mại sản xuất thương mại dịch vụ T phải trả cho ngân hàng tính đến ngày 23/5/2019 với số tiền vốn là 21.116.286.623 đồng và lãi là 5.185.608.749 đồng.Tổng cộng vốn lãi là 26.301.895.372 đồng (*Hai mươi sáu tỷ ba trăm lẽ một triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm bảy mươi hai đồng*) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 24/5/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Ngân hàngThương mại cổ phần Tiên xin rút lại không yêu cầu kê biên xử lý các tài sản thế chấp bao gồm:

-Toàn bộ quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng, dự án, các khoản phải thu, các quyền lợi khác (nếu có). Giấy tờ chứng minh quyền đòi nợ là: LC xuất khẩu số ILC160024 phát hành ngày 04/8/2016 của nhà nhập khẩu NESTE SINGAPOREPTE LTD;

-Dây chuyền sản xuất bột cá (máy móc thiết bị) bao gồm: 01 máy nén P-XH-150PRESS số lượng 02; 01 máy nấu C-XH-100 COOKER số lượng 02; 01 Máy sấy D-XH-100DRYER số lượng 02;

-Hàng tồn kho mỡ cá/dầu cá tại bồn chứa thuê trực tiếp của chi nhánh Công ty TNHHMTV Dầu Khí Tp. Hồ Chí Minh tại KCN Trà Nóc 2- Tp. Cần Thơ (xác định cụ thể là bồn chứa trên hợp đồng thuê).

Đối với bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xác minh đối với Công ty T. Tại biên bản xác minh ngày 21/12/2017 được ông Hoàng Hữu Th – Phó Giám đốc Công ty T cho biết công ty có 2 thành viên là bà Nguyễn Thị Huệ T và ông Nguyễn Thái S , bà Nguyễn Thị Huệ T là người đại diện theo pháp luật của công ty. Vào tháng 11 năm 2016 bà T và ông S đi công tác ở nước ngoài rồi không về công ty. Hiện Công ty T vẫn còn hoạt động để duy trì máy móc và đảm bảo việc làm cho người lao động, tài sản đã bị kê biên nên lợi nhuận thu được do ngân hàng thu giữ. Tòa án tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu của ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T thì được biết ông S và bà Huệ T vẫn còn hộ khẩu tại Số 25/33, Trần Hưng Đ , khóm Thạnh An, Phường M, Thành phố L, An Giang. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty T theo quy định pháp luật

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: **Về tố tụng**: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án**: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại cổ phần Tcó đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nơi có trụ sở của bị đơn Công ty T giải quyết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[1.2]. Về nơi cư trú của bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T có trụ sở tại thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Ngày 07/3/2018 Công an phường M, thành phố L, tỉnh An Giang xác nhận ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ Th có đăng ký hộ khẩu tại phường M, thành phố L,

tỉnh An Giang nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, khi đi không trình báo cho chính quyền địa phương biết nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của ông S và bà T và tiến hành niêm yết các thông báo, quyết định tố tụng L, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang và cho ông S , bà T tại số nhà 25/33, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3]. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Tdo bà Nguyễn Thị Huệ T đại diện theo pháp luật và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nội dung tranh chấp: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh tỉnh An Giang với Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T do bà Nguyễn Thị Huệ T – Tổng giám đốc đại diện thực tế đã có phát sinh. Sự việc được chứng minh qua các hợp đồng tín dụng số 0252B-12.13/HĐTD 3/TPB.AGG ngày 3/1/2014 theo khế ước nhận nợ 0252B.01-03.14/KUNN3/TPB.AGG ngày 07/3/2014 với số tiền nhận nợ là 150.000.00USD; Hợp đồng tín dụng số 0366A-10.15/HĐTD3/TPB.AGG ngày 9/10/2015 với 3 khế ước nhận nợ cụ thể: Khế ước nhận nợ số: 0366A.08.07.16/KUNN3/TPB.AGG ngày 26/7/2016 với số tiền nhận nợ là 538.309.00USD; Lãi suất linh hoạt như sau: Áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 26/10/2016 là 3,4%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào các ngày 26 và bằng lãi suất cơ sở +biên độ 1,1%/năm; Khế ước nhận nợ số: 0366A.09.08.16/KUNN3/TPB.AGG ngày 8/8/2016 với số tiền nhận nợ là 1.453.566.00USD. Lãi suất linh hoạt như sau: Áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 8/11/2016 là 3,8%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng / lần vào các ngày 8 và bằng lãi suất cơ sở + biên độ 1,5%/ năm; Khế ước nhận nợ số: 0366A.10.08.16/ KUNN3/TPB.AGG ngày 10/8/2016 với số tiền nhận nợ là 371.467.00USD; Lãi suất linh hoạt như sau: Áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 10/11/2016 là 3,8%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào các ngày 10 và bằng lãi suất cơ sở +biên độ 1,5%/năm, hợp đồng thế chấp số 0366B-04/HDTC3/TPB.AGG Ngày 6/4/2016. Xét về hình thức và nội dung đều không trái đạo đức và pháp luật nên điều chỉnh khi phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T đã đã thực hiện đóng lãi đầy đủ các hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên đến ngày 26/12/2016 Công ty T đã vi phạm đối với hợp đồng số 0252B-12.13/HĐTD 3/TPB.AGG ký ngày 03/1/2014 là không đóng lãi và trả vốn theo thỏa thuận. Đến ngày 7/3/2019 thì Công ty T đã vi phạm đối với hợp đồng số 0366A-10.15/HĐTD3/ TPB.AGG ngày 9/10/2015. Mặc

dù Ngân hàng Thương mại cổ phần T đã nhắc nhở và làm việc với công ty T nhiều lần.

Đến ngày 5 tháng 7 năm 2018 Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang đã thực hiện thanh lý tài sản thế chấp theo Quyết định số 42/2017 QH14 ngày 15/8/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng đối với tài sản thanh lý là thửa đất số 11, tờ bản đồ số 15 gắn liền với nhà ở, diện tích xây dựng 210,8m^2, diện tích sàn 826,3m^2: kết cấu nhà: nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn lầu BTCT, mái ngói, cấp 2, số tầng 4, năm hoàn thành: 2010. Tọa lạc tại 25/33 Trần Hưng Đ, phường Mỹ T, Tp. Long Xuyên, An Giang do ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T đứng tên, sau khi trừ vào số tiền vốn gốc mà Công ty T còn nợ lại thì Công ty T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Tsố tiền tính đến ngày 23/5/2019 tổng cộng vốn +lãi là 26.301.895.372 đồng. Tại biên bản xác minh đối với Công ty T ngày 21/12/2017 ông Hoàng Hữu Th – Phó Giám đốc Công ty T cũng thống nhất số tiền Công ty T hiện còn đang nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền vay còn thiếu. Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Tyêu cầu Công ty trách nhiệm thương mại sản xuất thương mại dịch vụ T phải trả cho ngân hàng tính đến ngày 23/5/2019 với số tiền vốn là 21.116.286.623 đồng và lãi là 5.185.608.749 đồng.Tổng cộng vốn lãi là 26.301.895.372 đồng (*Hai mươi sáu tỷ ba trăm lẽ một triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm bảy mươi hai đồng*) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 24/5/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại- dịch vụ T trả hết nợ cho Ngân hàng

Xét về mối quan hệ tranh chấp trên thì phía bị đơn là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là phải nộp lãi và trả vốn đúng theo hợp đồng, việc vi phạm này của bị đơn đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của phía nguyên đơn. Do đó nguyên đơn yêu cầu công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại- dịch vụ T phải thanh toán nợ một lần số tiền vốn lãi là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với hợp đồng thế chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần T xin rút lại không yêu cầu kê biên xử lý các tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều: 30, 35, 39,147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005**,** Khoản 1 Điều 24, Điều 50, Điều 55, Luật Thương mại năm 2005; Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

2.Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T do Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang đại diện nhận số tiền 26.301.895.372 đồng (Hai mươi sáu tỷ ba trăm lẽ một triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm bảy mươi hai đồng) và phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số vốn gốc là 21.116.286.623 đồng theo các hợp đồng tín dụng số 0252B-12.13/HĐTD 3/TPB.AGG ngày 3/1/2014 theo khế ước nhận nợ 0252B.01-03.14/KUNN3/TPB.AGG ngày 07/3/2014; Hợp đồng tín dụng số 0366A-10.15/HĐTD3/TPB.AGG ngày 9/10/2015 với 3 khế ước nhận nợ cụ thể: Khế ước nhận nợ số: 0366A.08.07.16/KUNN3/TPB.AGG ngày 26/7/2016;Khế ước nhận nợ số: 0366A.09.08.16/KUNN3/TPB.AGG ngày 8/8/2016; Khế ước nhận nợ số: 0366A.10.08.16/KUNN3/TPB.AGG ngày 10/8/2016 kể từ ngày 26/4/2019 cho đến khi thi hành án xong.

3.Đình chỉ đối với yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần T do Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh An Giang được nhận lại 69.901.000 đồng (Sáu mươi chín triệu chín trăm lẻ một ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000740 ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T phải chịu 134.301.894 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu ba trăm lẽ một ngàn đồng) án phí knh doanh thương mại sơ thẩm.

5.Về kháng cáo**:** Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/5/2019). Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T và ông Nguyễn Thái S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

6.Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung